

Số: 88 /2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông Lê Văn S, sinh năm 1986; Số CCCD: 048086002284 cấp ngày 22/12/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Số CCCD: 048186004907 cấp ngày 22/12/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH; Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng cũ, nay là phường H, TP Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 ngày 25/6/2008), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại phường H, quận L nay là phường H, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng và kéo dài không thể khắc phục được. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, do đó ông S và bà L đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận

được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 07/01/2009 và Lê Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/12/2011. Ly hôn, ông S và bà L thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung Lê Hoàng Anh T và Lê Nguyễn Bảo T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.500.000 đồng/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*)). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy ông S, bà L thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung; cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận thỏa thuận của ông, bà.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về Nợ chung*: ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên: Lê Hoàng Anh T, sinh ngày 07/01/2009 và Lê Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 01/12/2011 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con chung (02 con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn S không thực hiện việc cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông S còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về Nợ chung*: ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002302 ngày 09/9/2025 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đ. Như vậy ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân, TP Đà Nẵng
(theo GCNKH số 78, quyển số 01 ngày 25/6/2008
Đăng ký tại UBND phường Hoà Hiệp Nam cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường